

Ngày 31/03/2025	7,430 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.2%	-12.0%	-21.0%

2024	
ROE	1.8%

Q1/25			
DT thuần	1,495	QoQ ▼ 192 ▼ 11.4%	YoY ▼ 135 ▼ 8.3%
	tỷ VNĐ		

2024		
DT thuần	7,137	YoY ▼ 84.0 ▼ 1.2%
	tỷ VNĐ	

Q1/25			
LN gộp	105	QoQ ▼ 21.0 ▼ 16.8%	YoY ▼ 14.0 ▼ 11.9%
	tỷ VNĐ		

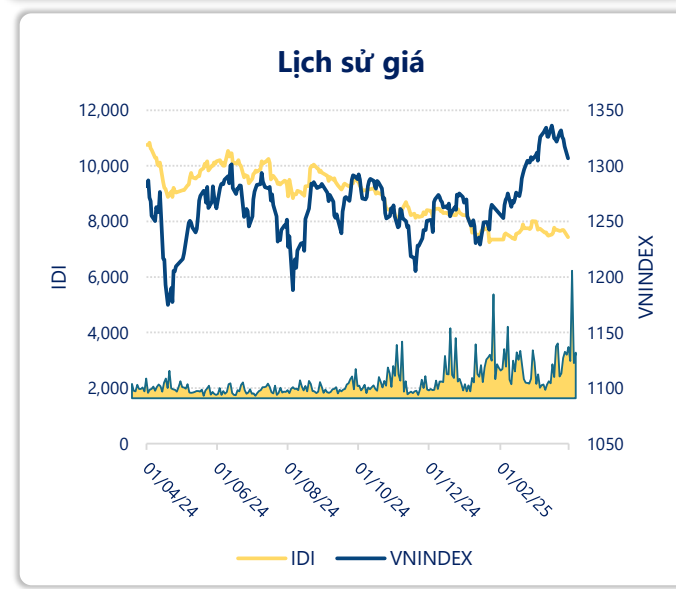
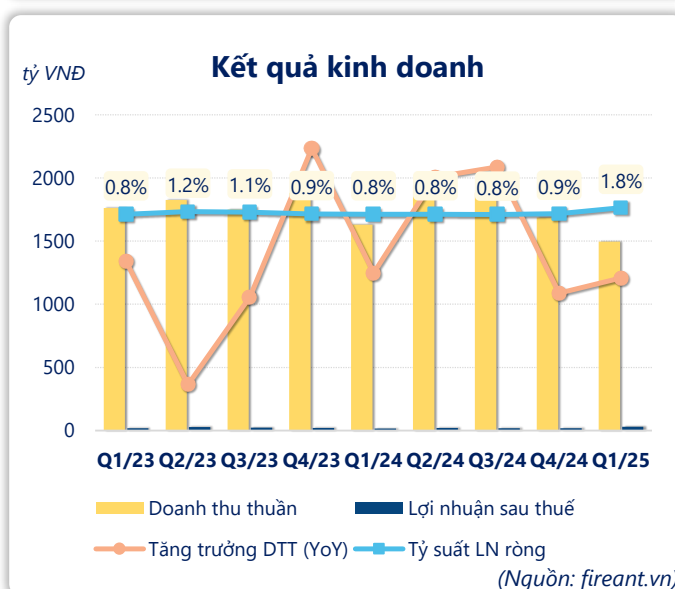
2024		
LN gộp	559	YoY ▲ 34.0 ▲ 6.5%
	tỷ VNĐ	

Q1/25			
LN thuần	26.1	QoQ ▼ 4.20 ▼ 13.8%	YoY ▲ 7.10 ▲ 37.4%
	tỷ VNĐ		

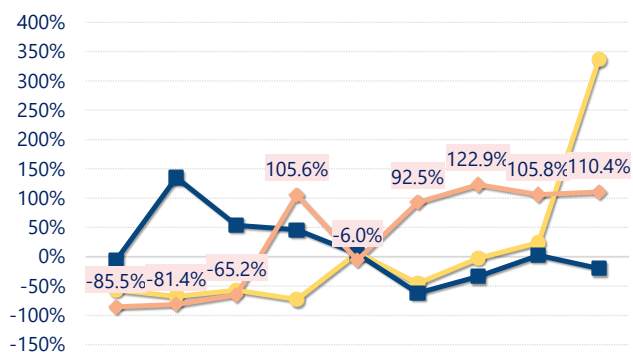
2024		
LN thuần	106	YoY ▼ 3.00 ▼ 2.1%
	tỷ VNĐ	

Q1/25			
LN sau thuế	29.1	QoQ ▲ 10.6 ▲ 57.2%	YoY ▲ 12.5 ▲ 75.2%
	tỷ VNĐ		

2024		
LN sau thuế	72.7	YoY ▼ 0.70 ▼ 0.9%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

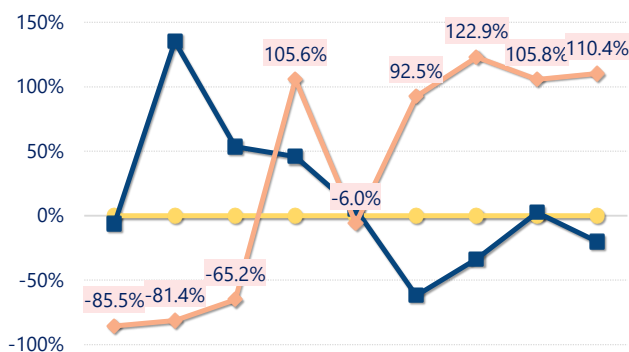


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

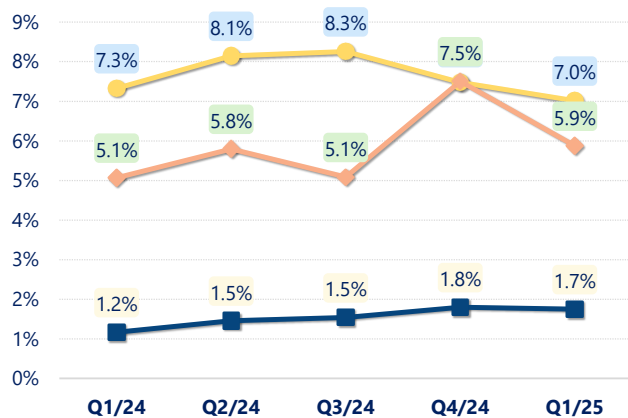


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

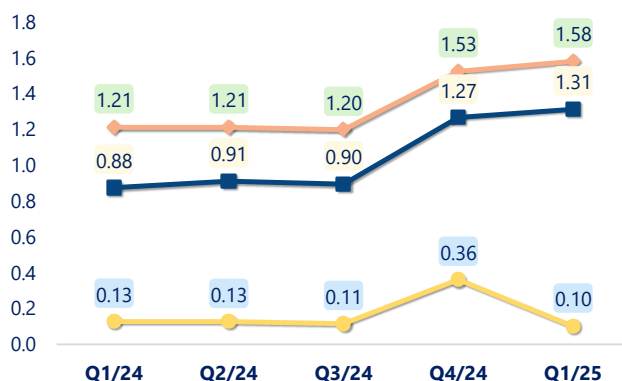


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

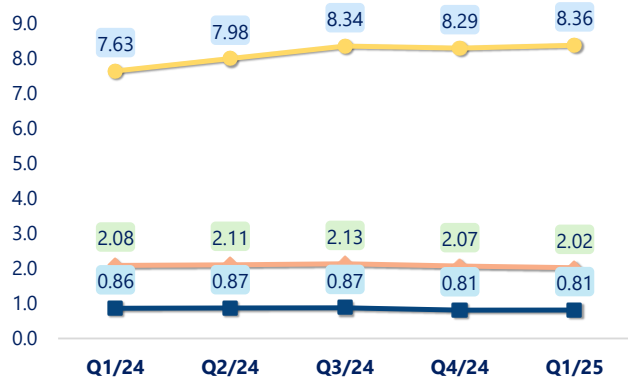


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

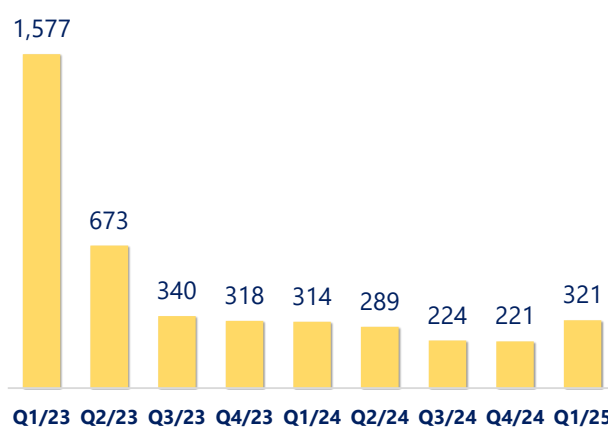


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,495	1,630	-8.3%	7,137	7,221	-1.2%
Giá vốn hàng bán	1,390	1,510	-7.9%	6,578	6,697	-1.8%
Lợi nhuận gộp	105	119	-11.9%	559	525	6.5%
Doanh thu HĐTC	40.6	25.8	57.2%	179	218	-17.6%
Chi phí TC	58.3	67.3	-13.4%	360	412	-12.5%
Chi phí lãi vay	52.9	63.3	-16.4%	309	362	-14.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	38.7	38.6	0.1%	189	132	43.1%
Chi phí QLDN	22.4	20.3	10.2%	82.4	89.8	-8.3%
LN thuần từ HĐKD	26.1	19.0	37.4%	106	109	-2.1%
Lợi nhuận khác	8.80	0.33	2565%	1.68	-1.60	205%
LN trước thuế	34.9	19.3	80.9%	108	107	0.9%
Lợi nhuận sau thuế	29.1	16.6	75.2%	72.7	73.4	-0.9%
LNST của CĐ cty mẹ	26.3	13.7	92.0%	60.5	57.8	4.7%

(Nguồn: fireant.vn)

